

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ THÀNH ĐẠT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ THÀNH ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107770361

**3. Ngày thành lập:** 21/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 02, ngách 34, ngõ 139, đường Tam Trinh, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4100        |
| 2.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ karaoke<br>- Kinh doanh dịch vụ vũ trường;                                                                                                                                                                     | 9329        |
| 3.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2392        |
| 4.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5629        |
| 5.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4772        |
| 6.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                                                                                                               | 9610        |
| 7.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2396        |
| 8.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                               | 5621        |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663(Chính) |
| 10. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9631        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết:<br>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước<br>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9639 |
| 13. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>Quán rượu, bia, quầy bar<br>Dịch vụ phục vụ đồ uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5630 |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống<br>Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5610 |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4752 |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649 |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4789 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                         | 8299 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

## **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THU HÀ | Tổ 23, Phường Hữu Nghị, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam                  | 4.500.000.000         | 50,000    | 113369969                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐOÀN ĐỨC TIẾN     | Thôn Hu Trì, Xã Vinh Quang, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam            | 4.500.000.000         | 50,000    | 008083000065                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN ĐỨC TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 008083000065

Ngày cấp: 05/11/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hu Trì, Xã Vinh Quang, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 157 Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 04/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 113369969

Ngày cấp: 03/07/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 23, Phường Hữu Nghị, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 02, ngách 34, ngõ 139, đường Tam Trinh, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội